



TỔ CHỨC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH QUỐC TẾ XÓA BỎ LAO ĐỘNG TRẺ EM

Dự án chống buôn bán trẻ em và phụ nữ tại tiểu vùng Mê Kông

United Nations Service Building, 2nd Floor, Rajdamnern Nok Avenue, P.O. Box 2-349,
Bangkok, 10200, Thailand, Telephone: (+66-2) 288-2218, Fax: (+66 2) 280-8042

Tháng 9 năm 2003

Lĩnh vực can thiệp kỹ thuật: TIA-7

Những Con đường cho Hành động: Sự Tham gia của các Tổ chức Người lao động và Chủ lao động trong Phòng chống Buôn bán Phụ nữ và Trẻ em

Lời mở đầu:

*Cơ chế ba bên độc đáo của tổ chức ILO tạo quyền cho sự hợp tác hiệu quả giữa các chính phủ, người lao động và chủ sử dụng lao động trong nỗ lực phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em. Lợi ích của cơ chế này nằm ở tiềm năng giải quyết nạn buôn bán người ở cấp quốc tế, quốc gia, tỉnh và địa phương. Cho tới nay, việc đưa các **tổ chức của Người lao động và Chủ lao động** tham gia vào công cuộc này là một trong những thách thức lớn nhất, vì đa số các trường hợp buôn bán người xảy ra ở các ngành kinh tế không chính thức, nơi mà hầu như không tồn tại các tổ chức của người lao động và chủ lao động¹, và các chuẩn mực về lao động không được thiết lập, theo dõi và thực hiện đúng đắn. ILO-IPEC thấy những thách thức này đặc biệt là khó khăn bởi vì những tổ chức này là **những đối tác chính bên cạnh các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và những người đứng đầu các học viện** trong cuộc đấu tranh chống lại nạn buôn bán và bóc lột phụ nữ và trẻ em.*

Tổ chức lao động trở nên ngày càng quan trọng trong một nền kinh tế ngày càng được toàn cầu hóa khi nạn buôn bán phụ nữ trẻ em ở Tiểu vùng Mê Kông đang trở thành vấn đề nổi cộm trên trường quốc tế. Hiểu được cơ cấu và những mối quan tâm của các tổ chức của người lao động và chủ lao động sẽ dẫn đến việc hiểu được mối liên hệ của các tổ chức này với vấn đề buôn bán phụ nữ và trẻ em, đồng thời thấy được những con đường hành động tiềm năng của họ

Với việc phân tích nền kinh tế không chính thức trong bối cảnh di dân, toàn cầu hóa, đói nghèo và các vấn đề giới, ILO-IPEC có thể vận động cho các can thiệp của các tổ chức người lao động và chủ lao động, ở cả nơi xuất phát và nơi tiếp nhận của nạn buôn bán phụ nữ trẻ em, trong công cuộc đấu tranh còn đang tiếp diễn để có được việc làm đàng hoàng và loại bỏ nạn buôn bán phụ nữ trẻ em..

1. NỀN KINH TẾ KHÔNG CHÍNH THỨC :

Dù đã có những dự đoán theo chiều hướng ngược lại, nhưng nền kinh tế không chính thức đã phát triển ở hầu hết các khu vực trên toàn thế giới trong hai thập niên vừa qua. Ở các nước đang phát triển, hầu hết người dân (đa số là phụ nữ và trẻ em) làm việc trong nền kinh tế không chính thức này. Ngay cả ở các nước phát triển, một số lượng đáng kinh ngạc cũng đang làm việc trong các lĩnh vực không được quy định này của nền kinh tế. Việc phân tích nền kinh tế này cần bao gồm:

¹ Hội nghị Quốc tế của các Nhà Thống kê Lao động lần thứ 15 (ICLS), tháng 1 năm 1993, coi ngành nghề kinh tế không chính thức bao gồm các đơn vị sản xuất mà “vận hành với sự tổ chức ở một mức độ thấp, hầu như không có sự phân chia giữa lao động và vốn... và thực hiện ở quy mô nhỏ.... Các mối quan hệ lao động nếu có chỉ dựa trên việc thuê lao động mang tính thất thường, quan hệ họ hàng hoặc cá nhân hay quan hệ xã hội, mà không có những thỏa thuận hợp đồng có sự đảm bảo chính thức.”

- (1.1) sự phân chia của nền kinh tế không chính thức
- (1.2) phạm vi và mức độ của nền kinh tế
- (1.3) các yếu tố cầu và sự tăng trưởng của nền kinh tế không chính thức
- (1.4) những rủi ro và hạn chế: nền kinh tế không chính thức đáp ứng được thị trường

(1.1) Sự phân chia của nền kinh tế không chính thức:

Nền kinh tế không chính thức thường được khái niệm bao gồm 3 thành phần: những người kinh doanh vi mô, các doanh nghiệp hộ gia đình/tự làm chủ, và những người làm dịch vụ độc lập/làm công ăn lương độc lập. Khi mà việc tổ chức lao động và thu thập thông tin từ bộ phận không được điều tiết này của nền kinh tế còn là vấn đề thách thức, dự án phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em nhận thấy rằng nạn buôn bán người là một điều nhức nhối ở cả **nền kinh tế chính thức và không chính thức**. Nhu cầu sử dụng người bị buôn bán tồn tại ở các ngành nghề không có những điều kiện lao động tốt, ví dụ như lương thấp hoặc không trả lương, không trợ cấp, điều kiện an toàn và sức khỏe nghề nghiệp kém. Thường đó là những công việc mà người địa phương không làm.

Buôn bán người trong **nền kinh tế chính thức**² thường xảy ra với những ngành nghề đòi hỏi nhiều lao động như nông nghiệp, đánh cá, xây dựng, sản xuất và chế biến (ví dụ như dệt may, đóng giày, sản xuất thực phẩm, xưởng thợ thủ công). Đây là những công việc có nhu cầu cao về lao động rẻ, và những người địa phương thường không làm. Buôn bán người cả trong nước và ra nước ngoài trong những môi trường như thế này xảy ra ở cả 5 nước vùng Mê Kông và là mối quan tâm đặc biệt ở Campuchia, Thái Lan, Lào và Trung Quốc.

Những ngành nghề **để có người bị buôn bán** vào làm thường là các ngành dịch vụ và giải trí, gồm từ **giúp việc gia đình, các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp gia đình** (ví dụ như phục vụ, nhà hàng, khách sạn, cửa hàng, hiệu chăm sóc sắc đẹp) cho đến các quán Karaoke, mát xa và các điểm phục vụ tình dục. Ngoài ra, buôn bán người cũng để phục vụ cho các hoạt động phi pháp và tội phạm có tổ chức như buôn lậu ma túy và sử dụng trẻ em làm ăn xin và rao bán hàng. Buôn bán người trong nước xảy ra ở cả năm nước tiểu vùng Mê Kông, trong khi buôn bán người qua biên giới là mối lo ngại lớn ở Campuchia, Lào và Việt Nam³.

Một trong những thách thức lớn nhất đối với dự án phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em là việc đưa các tổ chức của người lao động và chủ lao động trong nền kinh tế không chính thức tham gia vào dự án, vì không có sự tổ chức và mối liên hệ yếu. Việc giải quyết nạn buôn bán phụ nữ trẻ em trong khuôn khổ mơ hồ này đòi hỏi phải có sự điều tra thêm về những đặc điểm của nó.

(1.2) Phạm vi và mức độ của nền kinh tế không chính thức:

Tổ chức Lao động Quốc tế lưu ý rằng “do tính hỗn tạp của nền kinh tế không chính thức và tính đa chiều của nó, những định nghĩa về khái niệm và thống kê của nền kinh tế này không rõ ràng như người ta mong đợi”. Phạm vi có thể xác định được hiện nay bao gồm:

Theo tổng sản phẩm quốc nội: nền kinh tế không chính thức chiếm 25% đến 40% đầu ra hàng năm tại các nước đang phát triển ở Châu Á và Châu Phi; và khoảng **48% số việc làm ở Thái Lan**, trọng tâm **đích đến của nạn buôn người** ở khu vực tiểu vùng Mê Kông, là thuộc về nền kinh tế này (ăn xin, giải trí, giúp việc nhà, và tình dục). Với 90% trong số các công việc mới tại thành thị ở Châu Phi và 60% các công việc ở Châu Mỹ La tinh xuất hiện ở nền kinh tế không chính thức, xu hướng này thực sự đang ngày càng mang tính toàn cầu.

² Gồm những người làm công ăn lương truyền thống được hưởng sự bảo vệ của luật lao động, đảm bảo về xã hội và các lợi ích khác.

³ Hội thảo Dự án phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em tại Hà Nội, 24-28 tháng 2 năm 2003

Xu hướng nữ hóa của nền kinh tế không chính thức: Sự tham gia của nữ giới trong các ngành nghề không chính thức tăng liên tục trong những năm 80 và 90 ở tất cả các nước Châu Á, đặc biệt trong các ngành dịch vụ. Ở Đông Nam Á, phụ nữ chiếm ít nhất là một nửa số lao động trong nền kinh tế không chính thức ở thành thị, và thường làm các công việc như giúp việc gia đình, giải trí, tình dục. Ở các nước đang phát triển, **30-90%** những người bán hàng rong, **35-80%** những người lao động tại gia đình (gồm cả tự làm chủ và chủ gia đình) và **80%** trở lên những người lao động tại nhà (người lao động trong ngành công nghiệp làm việc tại nhà) là phụ nữ. Trừ Bắc Phi, còn lại trên 60% những người lao động nữ tại các nước đang phát triển làm việc trong các ngành nghề không chính thức⁴.

Tính cả **lao động trẻ em:** Hầu hết lao động trẻ em trong nền kinh tế không chính thức là lao động làm thuê hoặc ăn lương. Hiện đang có 246 triệu lao động trẻ em đang được thuê làm việc; **180 triệu** trở thành nạn nhân của các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và **8 triệu** đang phải chịu cảnh bị bóc lột tình dục hoặc bóc lột như nô lệ thời hiện đại.⁵

Độ tuổi của lao động trong nền kinh tế không chính thức: Trái với những suy nghĩ thông thường, không phải chỉ có những lao động trẻ tuổi và lao động già mới làm việc tại thị trường lao động không chính thức; ở hầu hết các thành phố Châu Á, gần 2/3 lao động này thuộc độ tuổi lao động chính (22-44). Tuy nhiên trẻ em vẫn được coi là nhóm đối tượng có nguy cơ bị bóc lột cao nhất vì nhóm này thường là dễ bị sai khiến và ít kinh nghiệm.

(1.3) Các yếu tố cầu và sự tăng trưởng của nền kinh tế không chính thức:

Toàn cầu hóa tạo ra sức ép đối với lao động có kỹ năng do tiến bộ của kỹ thuật và nhu cầu ngày càng tăng đối với lao động rẻ, nhiều người có trình độ cao trong thị trường lao động giờ đây phải dựa vào nền kinh tế không chính thức bởi vì các cơ hội việc làm ổn định trong các ngành nghề chính thức ngày càng giảm đi. Mặc dù toàn cầu hóa tạo ra những cơ hội rộng lớn, nhưng nó lại cũng tạo ra sự bất bình đẳng về mặt cơ hội, dẫn tới cảm giác ngày càng tăng về sự **không an toàn** và **vị thế thương thuyết của người lao động bị yếu đi**.

Xu thế nữ hóa những người di cư là mối quan tâm ngày càng tăng ở các nước ở tiểu vùng Mê Kông, bởi vì phụ nữ và trẻ em di cư để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn với đối tượng lao động này trong các ngành dịch vụ và tình dục. Lực lượng lao động trình độ thấp/không có trình độ phải đối mặt với những rào cản về luật pháp/chính sách di cư và đối mặt với những nguy cơ ngày càng tăng về buôn bán người và bóc lột lao động. (xem Phần 3 về di cư).

Sự tập trung các hoạt động ở khu vực thành thị, đặc biệt là các thành phố lớn ở Châu Á, chính là một “yếu tố kéo” trong sự tăng trưởng của nền kinh tế không chính thức. Những hoạt động này bao gồm những thông lệ ngày càng phổ biến trong việc ký hợp đồng phụ, công việc nhỏ lẻ, sự phụ thuộc vào các phương tiện giao thông không chính thức để đi lại trong thành thị, và nhu cầu ngày càng tăng của các dịch vụ du lịch. Những người nghèo thành thị cần có những hàng hóa và dịch vụ mà họ có thể mua được (những hàng hóa dịch vụ sản xuất tại địa phương chứ không phải nhập khẩu).

(1.4) Những yếu tố rủi ro và hạn chế: Nền kinh tế không chính thức đáp ứng được thị trường.

Những người lao động trong nền kinh tế không chính thức phải đối mặt với:

⁴ GENPROM: Phụ nữ và Nam giới trong Nền kinh tế không chính thức, Geneva 2002.

⁵ Tổng Giám đốc Juan Somavia, Tuyên bố, New York, Tháng 5 - 2002

⁶ , Tổng Giám đốc Juan Somavia, *Việc làm đáng hoàng cho tất cả mọi người trong một nền kinh tế toàn cầu hóa*, tháng 6 - 1999.

Thiếu sự tiếp cận: với vốn, hoặc thị trường/cầu đối với những lượng đặt hàng lớn, phân xưởng, nguyên vật liệu, kỹ thuật, giáo dục cơ bản, tiếng nói trong các hoạt động hoạch định chính sách, và **tổ chức tập thể**.

Thiếu sự bảo vệ: thu nhập thấp, thiếu sự đảm bảo về việc làm, gián đoạn công việc thường xuyên và các điều kiện làm việc gây tổn hại sức khỏe, trình độ kỹ năng thấp, chất lượng nơi làm việc và các dịch vụ kém, bị các công chức chính phủ quấy rối.

Thiếu chú ý tới vấn đề Lao động Trẻ em: Ở các nước Đông Nam Á, **trẻ em** chiếm số đông trong số các **công việc nguy hiểm, lương thấp** như nhặt rác, giúp việc gia đình hoặc các công việc thất thường khác. Ước tính khoảng **15 triệu trẻ em** trên toàn thế giới làm việc để sản xuất những mặt hàng cho thương mại quốc tế.⁷ **246 triệu trẻ em** gia nhập vào lực lượng lao động toàn cầu thay vì đi đến trường. **180 triệu trẻ em** đang làm các công việc thuộc các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, và **8 triệu trẻ em** là nạn nhân của sự bóc lột và làm việc như các nô lệ thời hiện đại.⁸

Thiếu sự bảo vệ về luật pháp: những người lao động không chính thức thường không được hưởng các chuẩn mực về tiền lương bình đẳng, các khoản trợ cấp xã hội, và các trợ cấp cho người lao động khác như những người lao động trong nền kinh tế chính thức. Ngoài ra, những chuyên gia lành nghề thường có cơ hội di cư hợp pháp, còn những người lao động không có kỹ năng/bán kỹ năng thì không; ngay cả ở những nơi có luật tồn tại, thì việc thực hiện cũng yếu.

Mối đe dọa ngày càng tăng về đói nghèo và thất nghiệp thường là động lực khiến người lao động phải di cư và rơi vào tình trạng dễ bị buôn bán. **160 triệu** người trên thế giới đang **thất nghiệp**; còn những người **thiếu việc làm** thì lên tới trên **1 tỉ người**. **Xu thế nữ hóa đói nghèo** là một vấn đề cấp thiết, vì phụ nữ hiện nay chiếm **70%** trong số 1.3 triệu người nghèo tuyệt đối của thế giới.

Vấn đề buôn bán người trở nên càng tồi tệ khi mà các **đường dây buôn người** ngày càng hoạt động hiệu quả hơn; các đường dây này cũng thường có được sự thông đồng của các công chức, những người đã góp một phần vào guồng máy của vấn nạn này.

2. ĐƯA CÁC TỔ CHỨC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CHỦ LAO ĐỘNG THAM GIA VÀO VIỆC PHÒNG CHỐNG BUÔN BÁN NGƯỜI

Nạn buôn bán người cho thấy một nhu cầu toàn cầu về **trách nhiệm xã hội** trong việc bảo vệ cả về **nhân quyền** và **quyền của người lao động**. Tổ chức Lao động Quốc tế đã thông qua Tuyên bố về Các Nguyên tắc Cơ bản và Quyền tại Nơi làm việc, và đang nỗ lực thực hiện Thỏa thuận Toàn cầu do Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc phát động. Các nguyên tắc cơ bản bao gồm: tự do hiệp hội và quyền thương thuyết tập thể; xóa bỏ tất cả các hình thức lao động cưỡng bức và bắt buộc; xóa bỏ một cách hiệu quả lao động trẻ em; xóa bỏ sự phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp.

Phân tích các tổ chức của người lao động và chủ lao động bao gồm:

- (2.1) tổ chức các công đoàn: đưa các tổ chức của người lao động vào tham gia;
- (2.2) thu hút sự tham gia của các tổ chức của chủ sử dụng lao động;
- (2.3) các chính sách và hành động trọng tâm: thu hút sự tham gia của các tổ chức của người lao động và chủ lao động ở cả nơi đi và nơi nhận của nạn buôn bán người
- (2.4) cách tiếp cận ba bên: các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ là các cơ quan xúc tác cùng với người lao động và chủ sử dụng lao động.

(2.1) Tổ chức các Công Đoàn: Thu hút sự tham gia của các tổ chức của người lao động

⁷ Liên minh Quốc tế các Tổ chức Công Đoàn Tự do (ICFTU ngày 1 tháng 7 năm 2003)

⁸ ILO, *Giảm sự thiếu hụt các việc làm đáng hoàn: Một thách thức toàn cầu*, Geneva 2001.

Nhu cầu đối với lao động bị buôn bán hầu như không hề có trong các ngành nghề mà ở đó người lao động được liên kết tốt thành công đoàn và các chuẩn mực lao động được theo dõi và thi hành tốt. Một mục tiêu chính của dự án Phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em là xây dựng mô hình thành công này trong các ngành nghề ở cả nơi đi và nơi nhận, tổ chức nền kinh tế không chính thức bên cạnh nền kinh tế chính thức. Tổ chức các công đoàn không phải chỉ là một bước chuyển, mà còn là một **phương pháp** nhằm đạt được **mức lương đáng hoàng và việc làm đáng hoàng**. Cuối cùng, các công đoàn cần phải tổ chức trong ngành nghề không chính thức nếu như muốn giữ sức mạnh số lượng của mình.

Vì các công đoàn bao gồm những người công nhân và do những người công nhân lãnh đạo, sẽ là không đúng nếu cho rằng họ rất hiểu biết về vấn đề buôn bán người cũng như những nỗ lực của Tổ chức Lao động Quốc tế trong việc phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em. Các **chương trình nâng cao năng lực** (ví dụ: đào tạo, họp, truyền thông) cần được xem xét để giáo dục và nâng cao nhận thức cho các công đoàn về mối liên hệ với vấn đề buôn bán người, các tiêu chuẩn của ILO, và những con đường có thể phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em.

Các tổ chức của người lao động là các tổ chức **hội viên**. Mục đích chính của các tổ chức này là **thúc đẩy và bảo vệ các lợi ích của chính mình – nâng cao mức lương và các điều kiện làm việc**. Nếu số lượng người bị buôn bán và lao động trẻ em – nguồn lao động rẻ này - tăng lên thì đó sẽ là yếu tố làm giảm mức tiền lương. Như vậy, buôn bán người và lao động trẻ em có thể làm giảm sức mạnh thương thuyết của các công đoàn. Cần phải nâng cao nhận thức về nguy cơ mà nạn buôn bán người có thể mang lại đối với cả hai lợi ích này.

Pháp luật bảo vệ tự do hiệp hội và bảo vệ quyền được tổ chức: Công ước 87 của ILO (1948) bảo vệ quyền cơ bản được tổ chức lao động. Phần I điều 55 nêu “Các tổ chức của người lao động và chủ lao động có quyền được thành lập và gia nhập liên đoàn và liên minh và các tổ chức tương tự, liên đoàn và liên minh có quyền liên kết với các tổ chức quốc tế của người lao động và chủ lao động. Phần I điều 11 ghi rõ “Các nước thành viên của ILO nơi mà công ước này có hiệu lực tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết phù hợp để đảm bảo rằng người lao động và chủ lao động có thể thực hiện một cách tự do quyền được tổ chức này”.

Các Công đoàn phải cần phải cố gắng **đưa lao động phi chính thức** vào các **sáng kiến hành động** của mình, theo Công ước 87 của ILO. Các công đoàn cần áp dụng các **kỹ thuật xông xáo** để đến được với những người lao động trong nền kinh tế không chính thức; lần theo dấu vết của một sản phẩm đến tận đơn vị sản xuất cơ bản nhất có thể nhận dạng ra được nền kinh tế không chính thức còn nhiều mơ hồ này. Liên minh quốc tế các Tổ chức Công đoàn Tự do (ICFTU) khuyến các công đoàn nên áp dụng cách tiếp cận theo ngành để tổ chức lao động, điều này giúp cho việc xem xét các mối quan hệ và quan tâm kinh tế theo từng ngành

Tăng cường **sự đại diện của nữ giới** và **sự đại diện của nền kinh tế không chính thức** (hai điều này thường có mối liên hệ lẫn nhau) trong các tổ chức công đoàn. Hiện nay phụ nữ chỉ chiếm **một phần ba** trong tổng số các **thành viên công đoàn** và giữ **ít hơn 1%** các vị trí ra quyết định ở các công đoàn này.⁹

Các can thiệp tập trung vào vấn đề giới: lưu ý rằng phần lớn trong số những người bị hại do nạn buôn bán người là phụ nữ, nên các giải pháp ở **cả cấp quốc gia và địa phương** đều phải tính đến những mối quan tâm của phụ nữ. **Những công cụ tham khảo** hữu ích bao gồm: Bộ công cụ Quyền của Lao động nữ, Bộ tài liệu nguồn về Bình đẳng Giới và Quyền (trong phòng chống lao động trẻ em buôn bán trẻ em), và tài liệu của Văn phòng Tiểu vùng Băng Cốc *Tăng cường Bình đẳng Giới trong Hành động Phòng chống Lao động Trẻ em và Buôn bán Trẻ em: Một Hướng dẫn cho các Tổ chức*. GENPROM cũng đã xuất bản một cuốn sách Hướng dẫn Thông Tin cho Lao động Nữ Di cư.

⁹ GENPROM, Thúc đẩy Bình đẳng Giới: Một công cụ nguồn cho các Công Đoàn.

Mô hình Bảo hiểm Xã hội, một hình thức hoạt động hợp tác liên tục: Ở Tanzania, Hợp tác xã Mwanayamala ở Dar es Salaam tổ chức được 1000 người bán hàng ngoài chợ, mỗi người đóng một khoản tiền nhỏ hàng ngày để thuê các gian bán hàng; những khoản tiền này đóng góp vào việc cung cấp các khoản trợ cấp tử vong và nằm viện.

Hành động chung ở cấp quốc gia: Các công đoàn nên tập hợp lại ở cấp quốc gia để đảm bảo sự hợp nhất của nền kinh tế không chính thức thông qua một loạt các chương trình: các chương trình bảo hiểm, tiết kiệm và ngân hàng tín dụng, các dự án giáo dục (ví dụ như hợp tác với các **tổ chức của giáo viên**¹⁰ để đẩy mạnh giáo dục cơ bản có chất lượng và miễn phí, là một cách thức nhằm phòng ngừa nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và lao động trẻ em), các cơ sở dạy nghề. Các chương trình cần tăng cường sự kết hợp của giáo dục và đào tạo cho các thành viên của mình.

Hành động chung ở cấp địa phương: các trung tâm công đoàn dành cho người lao động trong nền kinh tế không chính thức có thể được thành lập nhằm cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu: thông tin và tư vấn (ví dụ: giáo dục về kiến thức pháp luật như mức lương công bằng, điều kiện lao động, và luật lao động), đào tạo, sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc, liên hệ với các dịch vụ của chính phủ như an toàn xã hội, và các chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ.¹¹ Thu hút sự tham gia của **báo chí** địa phương vào việc đẩy mạnh các phong trào công đoàn và nâng cao nhận thức thông qua đài truyền hình, đài phát thanh, và các tài liệu in. Các hoạt động này nên áp dụng các **phương pháp tiếp cận lấy trẻ em làm trọng tâm** và xem xét đến **vấn đề giới** có liên quan đến buôn bán phụ nữ và trẻ em. **Tiếng nói của phụ nữ và trẻ em** cần phải được đưa vào trong quá trình ra quyết định.

Hành động chung của các công đoàn tăng cường các tác động tích cực. Ví dụ, dự án NUHWRAIN do ILO-IPEC tài trợ chính là nỗ lực phối hợp nhằm phòng chống nạn bóc lột trẻ em trong ngành du lịch của Phi-lip-pin. Cũng có các tiềm năng khác để cùng phối hợp hành động với các tổ chức của người lao động ở cấp quốc gia và **quốc tế/khu vực**¹².

Các tổ chức của người lao động có thể đóng vai trò là một **“quan sát viên”** trong việc nhận ra và báo cáo các vụ buôn bán phụ nữ trẻ em trong nội bộ các tổ chức và nơi làm việc của mình; họ cũng có thể mở rộng vai trò này sang ngành giao thông hoặc hướng vào những ngành mà trẻ em dễ bị buôn bán nhất. Các tổ chức cần yêu cầu các thành viên của mình tham gia vào các thông lệ **“thương mại công bằng”** theo các chuẩn mực lao động được quốc tế công nhận. Theo cách này, các công ty có thể tạo ra một danh tiếng về ý thức và trách nhiệm xã hội đối với các quyền con người và quyền của người lao động. Họ cũng có thể tham gia vào việc nêu ra các công ty cạnh tranh đã vi phạm các chuẩn mực lao động công bằng, vì việc công ty bị tố giác đã bóc lột lao động có thể vĩnh viễn bị hư hại danh tiếng của mình trên trường quốc tế.

(2.2) Sự tham gia của các tổ chức của người sử dụng lao động

Các tổ chức của người sử dụng lao động hoạt động **nhằm tăng cường lợi ích của người sử dụng lao động** bằng cách kêu gọi chính sách kinh tế vĩ mô và môi trường

¹⁰ Gồm cả **Tổ chức Giáo dục Quốc tế (EI)**, là một tổ chức công đoàn của những người trong ngành giáo dục trên toàn thế giới. Văn phòng khu vực Châu Á Thái Bình Dương của tổ chức này đóng tại Kuala Lumpur.

¹¹ Các trung tâm dịch vụ cộng đồng được chính phủ Thái Lan thành lập, là một mô hình thành công; các trung tâm này cung cấp các dịch vụ phúc lợi xã hội và giúp phát triển mức sống ở các vùng thành thị.

¹² Ví dụ như Liên minh các Công đoàn Tự do Quốc tế (ICFTU), Liên đoàn Lao động Thế giới – Nghiệp đoàn của các Công đoàn Châu Á (WCL-BATU), Liên minh Công đoàn Thế giới (WFTU), Tổ chức Giáo dục Quốc tế (EI), Liên đoàn Lao động Quốc tế ngành Hóa chất, Năng lượng, Khai thác mỏ và công nhân thông thường (ICEM), Liên đoàn quốc tế những người lao động ngành xây dựng và gỗ (IFBWW), Liên minh lao động ngành dệt may và da (ITGLWF), Liên minh Quốc tế lao động ngành lương thực, nông nghiệp, khách sạn, nhà hàng, phục vụ, thuốc lá và lao động liên kết (IUF), Liên đoàn Lao động Thế giới ngành nông nghiệp, lương thực, khách sạn và lao động liên kết (WFAFW), Liên đoàn quốc tế ngành dệt may (IFTC)

luật pháp có lợi hơn cho sự phát triển của các doanh nghiệp. Họ cũng đóng vai trò là một nguồn thông tin, cung cấp lời khuyên, tư vấn, thông tin, giáo dục và đào tạo cho các thành viên của mình.

Các tổ chức của người sử dụng lao động trong một nền kinh tế thị trường về cơ bản là các tổ chức thành viên gồm nhiều doanh nghiệp lớn. Trong các nền kinh tế quá độ ở các nước cộng sản chủ nghĩa, các tổ chức của người sử dụng lao động đang chuyển dịch theo hướng này; tuy nhiên vẫn có sự liên kết với cơ cấu của Nhà nước.

Nhiều tổ chức của người sử dụng lao động chú trọng đến các mối quan hệ lao động và cũng giải quyết các lĩnh vực thị trường lao động khác nhau thuộc các lĩnh vực của ILO.

Các tổ chức của người sử dụng lao động đóng vai trò là các đối tác của ILO là các tổ chức ở cấp quốc gia. Ở Trung Quốc, Lào và Việt Nam, các tổ chức này có chi nhánh ở cấp tỉnh nhưng không có ở cấp địa phương. Ở Cam Pu Chia và Thái Lan The EOs acting as ILO social partners are national level organizations. Those in China, Laos, and Vietnam have branches at provincial but not local levels. In Cambodia and Thailand, các tổ chức này chỉ là các tổ chức ở thủ đô.

Về vấn đề buôn bán phụ nữ và trẻ em:

Các tổ chức của người sử dụng lao động có thể được khuyến khích để vận động cho các luật pháp chặt chẽ hơn để chống lại nạn buôn người, đồng thời nâng cao nhận thức của các thành viên về mức nghiêm trọng của vấn đề này.

Các tổ chức của người sử dụng lao động cũng có thể thúc đẩy việc áp dụng các **chuẩn mực về hành vi** trong các ngành có liên quan để xảy ra nạn buôn bán phụ nữ trẻ em. Ví dụ, người sử dụng lao động trong ngành khách sạn, hàng không, du lịch ở Thái Lan đã xây dựng các chuẩn mực về hành vi nhằm chống lại du lịch tình dục trẻ em. Tương tự như vậy, những chuẩn mực mẫu cũng đã được các công đoàn, liên minh các doanh nghiệp và các tổ chức khác xây dựng. Dưới đây là một ví dụ về một chuẩn mực hành vi mẫu cơ bản do Liên minh các Công đoàn Tự do Quốc tế (ICFTU) và Ban Thư ký Thương Mại Quốc tế (ITS) xây dựng:

(Tên của công ty) và những người chủ thầu, những người thầu phụ, các nhà cung cấp và những người được cấp phép bán hàng có liên quan đến việc sản xuất và/hoặc phân phối những hàng hóa và dịch vụ cho (tên công ty) phải đảm bảo rằng **không sử dụng lao động trẻ em**. Không có lao động trẻ em nào được sử dụng. Chỉ sử dụng những lao động từ 15 tuổi trở lên hoặc đã qua tuổi đi học bắt buộc, sẽ áp dụng tuổi nào cao hơn (Công ước 138 của ILO). Sự hỗ trợ về kinh tế phù hợp trong giai đoạn đầu và các cơ hội giáo dục thích hợp cần phải được cung cấp cho các lao động trẻ em bị dịch chuyển này.¹³

Ở những nơi mà các tổ chức của người sử dụng lao động ở cấp quốc gia có độ bao phủ hạn chế, Tổ chức ILO có thể đưa các tổ chức của người sử dụng lao động ở cấp ngành nghề tham gia vào các hoạt động phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em. Tuy nhiên, các tổ chức của người sử dụng lao động ở cấp quốc gia có thể dễ nhạy cảm với công việc của ILO với các tổ chức của người sử dụng lao động khác, và cũng muốn tham gia hoặc được thông báo về các hoạt động tiếp theo. Với cơ chế ba bên, tổ chức ILO nên làm việc với các chủ sử dụng lao động riêng biệt thông qua các tổ chức của chủ sử dụng lao động.

Với phạm vi bao phủ hạn chế của các tổ chức của chủ lao động và những hạn chế trong nội bộ như vấn đề nhân lực và tài chính thì các tổ chức của chủ lao động sẽ rất có lợi khi làm việc với các chính phủ, đặc biệt là các chính phủ địa phương và các tổ chức phi chính phủ. Cách tiếp cận nhiều mặt này có khả năng thành công hơn là một kế hoạch một chiều.

¹³ ACTRAV: Công đoàn và Lao động Trẻ em, Geneva 2000.

Các công cụ nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực có thể cung cấp qua đào tạo cho các tổ chức của chủ lao động:

- ♦ Phát triển Doanh nghiệp Nữ (SIYB)
- ♦ Tập huấn về Giới và Kinh doanh được thử nghiệm trong dự án phòng chống BBPNTE ở Lào, cung cấp các kiến thức kinh doanh cho các nhà doanh nghiệp nữ ở mức độ sơ khởi và nâng cao.
- ♦ Hướng dẫn thông tin của Chương trình Thúc đẩy Bình đẳng Giới (GENPROM) dành cho Lao động nữ di cư.
- ♦ Tài liệu thúc đẩy bình đẳng giới của ICFTU
- ♦ Tháng 6 năm 2002, IPEC triển khai chương trình SCREAM để xã hội hóa và huy động sự tham gia của trẻ em trong việc phòng chống lao động trẻ em. Nỗ lực này truyền bá nhận thức và các công cụ đến với cộng đồng rộng lớn của các tổ chức người lao động, chủ sử dụng lao động và các tổ chức phi chính phủ.

(2.3) Các Chính sách và Hành động Tập trung

(2.3.1) Các nỗ lực của người lao động và sử dụng lao động tại đầu đi và đầu đến

Thiếu tiếp cận với thông tin và giáo dục vẫn còn là một rào cản cơ bản của nhiều người lao động di cư, bản địa và người lao động không chính thức, những người dễ bị buôn bán. Các tổ chức của người lao động và chủ sử dụng lao động có thể đóng một vai trò quan trọng bằng cách tham gia vào việc **tăng khả năng và nâng cao năng lực** ở cả nước đi và nước đến, đồng thời yêu cầu một cách tiếp cận chính sách mạnh mẽ và hợp lý. Những can thiệp trọng tâm khác ở đầu đi/đầu đến sẽ được thảo luận ở phần (2.4) trong khuôn khổ các nỗ lực được hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và của chính phủ.

Khi thu hút sự tham gia của các tổ chức của người lao động và chủ lao động, điều quan trọng là ghi nhớ **những yếu tố về giới** của cả vấn đề việc làm và buôn bán phụ nữ trẻ em. **Sự phân tách theo nghề nghiệp** tồn tại ở cả những ngành nghề kinh tế chính thức và không chính thức, nghĩa là nam giới và phụ nữ nói chung tham gia vào các ngành nghề khác nhau, và ở các vị trí khác nhau trong cùng một ngành nghề (ví dụ: phụ nữ là công nhân nhà máy và nam giới là người giám sát). Trên toàn cầu, phụ nữ thu nhập ít hơn nam giới 20-30%. Như vậy, **các cách tiếp cận theo ngành nghề** sẽ hiệu quả hơn trong việc xác định các trường hợp buôn bán người và thực hiện các giải pháp trọng tâm. Khi làm việc với một ngành nghề cụ thể, điều quan trọng là phải ghi nhớ trong ngành nghề đó có những người lao động nào.

(2.3.2) Người lao động và người sử dụng lao động ở các nước đầu đi nên tham gia vào:

Các chiến dịch giáo dục trước khi đi: nâng cao nhận thức cho người lao động về những mối nguy hiểm tiềm tàng của nạn buôn bán người và bóc lột lao động mà họ có thể rơi vào, cũng như các biện pháp có thể sử dụng để tìm kiếm sự hỗ trợ khi họ gặp phải vấn đề khó khăn. Các nhóm của người lao động và chủ sử dụng lao động cũng nên nâng cao nhận thức và giáo dục về các vấn đề giới ở tiểu vùng, đặc biệt là tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ trong thị trường lao động không chính thức. Ví dụ, các nước đầu đi có thể tổ chức một phong trào chống bọn buôn người, những kẻ tuyển người cho ngành tình dục từ các nhà máy dệt may.

Các chương trình **Giáo dục theo ngành nghề cụ thể** có thể bảo vệ và tăng cường chất lượng cuộc sống cho nhiều người. Ví dụ, những người sử dụng lao động trong ngành giải trí và tình dục cần được nâng cao nhận thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, xét nghiệm HIV, cơ chế bảo vệ sức khỏe và các kỹ năng tự bảo vệ. Những nỗ lực này cần phải có sự thống nhất, tương đồng với những hoạt động tương tự tại nước đến/nước nhận lao động.

Các Chương trình Đào tạo Kỹ năng : việc học nghề và nâng cao kỹ năng do các **chủ sử dụng lao động nước ngoài cung cấp** tại nước ở đầu đi (các biện pháp phòng ngừa) cộng với sự giúp đỡ của các chủ sử dụng lao động ở nước tiếp nhận cùng tham gia trong việc đào tạo trước khi đi.

Đạt được **những điều khoản và điều kiện tốt nhất** trong thỏa thuận lao động, và chỉ tính lệ phí từ phía chủ sử dụng lao động, không phải từ người lao động di cư/người lao động không chính thức. Đảm bảo rằng các công ty tuân thủ theo các tiêu chuẩn **tiền lương tối thiểu**. Năm 2003, 30,1% trong tổng số lao động Thái Lan không được trả mức lương tối thiểu¹⁴. Nhận thức chính là bước đầu tiên để đảm bảo việc thực hiện mức lương tối thiểu này.

(2.3.3) Người lao động và chủ sử dụng lao động ở nước tiếp nhận lao động cần tham gia vào:

Thiết lập và công khai **“các chuẩn mực về hành vi”** rõ ràng, áp dụng cho cả lao động bản địa và lao động nhập cư, và tuyên dương những công ty tuân thủ theo những thông lệ tốt nhất và theo luật pháp. Phong trào vận động cho việc áp dụng luật lao động trong các ngành nghề **không chính thức** và các ngành nghề chính thức. Cần lưu ý đến những ngành nghề có tỷ lệ lao động nữ cao – như giúp việc gia đình và ngành giải trí – là những ngành thiếu quy định nhất.

Nâng cao quyền năng cho người lao động di cư, đặc biệt là phụ nữ. Những yếu tố quan trọng cần xem xét bao gồm: hiểu rằng lao động giúp việc gia đình là lao động được trả công; giáo dục người lao động di cư, đặc biệt là phụ nữ, về các quyền của mình; giáo dục những người có trách nhiệm liên quan và tìm kiếm sự cam kết chính trị của họ trong việc giải quyết các vấn đề ở mức độ cơ cấu; thiết lập sự hợp tác, đối thoại và trung gian giữa những người có trách nhiệm liên quan; và vạch rõ lại các chiến lược với phương pháp tiếp cận dựa vào quyền.¹⁵

Xây dựng các **điều kiện lao động rõ ràng, hợp lý theo tiêu chuẩn của ILO**: yêu cầu sự công bằng trong việc trả lương và các điều kiện lao động **giữa lao động di cư và lao động bản địa** và đảm bảo sự bảo vệ về luật pháp và sự thi hành luật này.¹⁶

Đẩy mạnh sự hiểu biết về luật pháp: tuyên truyền về Công ước 87 của ILO và đề cập đến sự tự do liên hiệp của người lao động. Chưa đến 1 trong số 1000 người lao động ở Thái Lan biết được rằng họ có thể gia nhập một hiệp hội lao động của Thái Lan.

Vượt qua rào cản về ngôn ngữ với **sự hỗ trợ và dịch thuật** cần thiết, vì những người lao động di cư thường không tiếp cận được với thông tin bằng ngôn ngữ của mình.

(2.4) Cách tiếp cận ba bên: Chính phủ, phi chính phủ làm các cơ quan xúc tác cùng với Người lao động và Chủ sử dụng lao động

Các chính phủ đóng một vai trò không thể thiếu trong sự thành công của bất cứ chương trình quốc gia hoặc quốc tế nào, vì họ cung cấp khuôn khổ pháp lý và nguồn lực cho sự thực hiện chính sách. Cũng như vậy, các tổ chức phi chính phủ cung cấp những ví dụ hiệu quả về nâng cao năng lực và hỗ trợ trực tiếp ở Châu Á. Khi dự án phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em muốn thu hút sự tham gia của các tổ chức của người lao động và chủ sử dụng lao động, chúng ta cần phải có được sự hỗ trợ của các **chính phủ và tổ chức phi chính phủ ở cả nước đầu đi và nước tiếp nhận** nhằm giải quyết nạn buôn bán phụ nữ trẻ em một cách hiệu quả.

Công việc **chính sách** hiệu quả: đàm phán những thỏa thuận song phương nhằm quy định các quyền của người lao động di cư (ví dụ như Biên bản ghi nhớ giữa Thái Lan và Lào); người lao động và chủ sử dụng lao động có thể vận động chính phủ ở các nước tiếp nhận lao động hướng đến một chính sách nhập cư chặt chẽ mạch lạc, thi hành chính sách này, và theo dõi một cách hiệu quả các điều kiện lao động ở các ngành

¹⁴ Ngân hàng Thế giới, 2000 (dựa vào thống kê của Chính phủ Hoàng gia Thái Lan)

¹⁵ Alcid và Monares, Báo cáo Công tác của GENPROM, tháng 7 năm 2003.

¹⁶ Theo Công ước về Di cư và Việc làm số 97 và Khuyến nghị Di cư và Việc làm số 86; Người lao động di cư (các điều khoản bổ sung) số 143.

nghề tập trung nhiều lao động di cư. Chính sách cũng cần ủng hộ cho việc bảo vệ và trả lương hợp lý trong từng ngành nghề.

Tiếp cận với **thông tin và các nguồn lực**: vận động chính phủ cung cấp các dịch vụ pháp lý miễn phí cho các nạn nhân bị buôn bán và gia đình của họ, giải quyết nhu cầu của từng ngành nghề (ví dụ đến được với các phụ nữ trẻ trong ngành giải trí và tình dục).

Quy định và thúc đẩy **việc thi hành** các chính sách hiện thời. Chính phủ cần chú ý đặc biệt đến việc làm cho những người thi hành luật trở nên nhạy cảm với vấn đề (cảnh sát, tòa án, các quan chức phụ trách nhập cảnh, nhân viên hải quan và thanh tra lao động) và có **sự khuyến khích** đối với những người thi hành luật; các công đoàn cũng có thể vận động cho sự thi hành luật. Áp dụng **những hình phạt** nghiêm khắc để giảm bớt sự tham nhũng trong số các nhân viên chính phủ và các cơ quan thi hành pháp luật.

Yêu cầu việc cấp giấy phép, đăng ký và giám sát các cơ quan tuyển dụng lao động. Đưa chủ sử dụng lao động tham gia vào việc thiết lập một **ban tư vấn** trong đó **có cả các thành viên là người lao động di cư**, nhằm theo dõi các cách thức tuyển dụng lao động của các cơ quan cung ứng việc làm tư nhân có đăng ký. Việc có đại diện là lao động di cư sẽ làm tăng sức mạnh tiếng nói của họ.

Kết hợp các nguồn lực cơ quan cung ứng việc làm: Trong khi các cơ quan tuyển dụng lao động tư nhân có những lợi thế hơn các cơ quan nhà nước (về mặt tốc độ và chi phí), thì họ lại thiếu **sự minh bạch tự nhiên**. Các nước như Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào cần xem xét việc sử dụng các cơ quan tuyển dụng lao động của nhà nước nhiều hơn để đảm bảo có được sự minh bạch này.

Suy nghĩ và hỗ trợ cho **các chương trình xóa đói giảm nghèo**, bởi vì nạn buôn bán phụ nữ trẻ em gắn liền với đói nghèo. Tổ chức ILO ủng hộ các chương trình đào tạo kỹ năng nông thôn, phát triển doanh nghiệp vi mô và tín dụng vi mô. Dựa vào mức độ đói nghèo, các chương trình cần hỗ trợ tạo thu nhập thông qua các hoạt động mưu sinh cơ bản, các doanh nghiệp ở mức độ sinh nhai, các doanh nghiệp hướng đến tăng trưởng, và sự phát triển các doanh nghiệp nhỏ.¹⁷ Xin xem TIA số 2 và 3 để thấy sự phân tích sâu về các cách tiếp cận này.

Các tổ chức phi chính phủ đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm nạn buôn bán phụ nữ trẻ em bởi vì họ có thể giải quyết được những nhu cầu của cá nhân và của địa phương. Việc phân tích các chiến lược hiệu quả của các tổ chức phi chính phủ cung cấp những kỹ thuật để cạnh tranh khi chúng ta muốn thu hút sự tham gia của cả các tổ chức của người lao động và chủ sử dụng lao động.

Các mô hình thành công: Học từ các chiến lược hiện tại của các tổ chức phi chính phủ trong việc phòng chống buôn bán người. Ở Hồng Kông, Trung tâm Di cư Châu Á (AMC) chiếm một vị trí tư vấn đặc biệt với Hội đồng Kinh tế Xã hội của Liên Hiệp Quốc. Trung tâm này chú trọng vào các vấn đề của người lao động di cư ở châu Á; các chương trình của họ bao gồm nghiên cứu, xuất bản, lập mạng lưới, đào tạo và tiết kiệm di cư, doanh nghiệp xã hội và tuyên truyền vận động¹⁸.

Nâng cao năng lực: đào tạo về nấu ăn, tiếng Anh, dự án kinh doanh, nâng cao kỹ năng người lao động khi họ chuẩn bị trở về nước. Đào tạo kỹ năng sống và giáo dục pháp luật cũng làm tăng cơ hội của người lao động di cư.

Phơi bày những vi phạm về buôn bán người và lao động di cư trong đó có lao động giúp việc gia đình (ví dụ lập tài liệu làm bằng chứng, hỗ trợ trong việc tìm kiếm các dịch vụ pháp lý, tổ chức họp báo) nhằm tác động đến các yếu tố cầu.

¹⁷ TIA-3

¹⁸ thông tin từ chuyến thăm quan Manila và Hồng Kông, 2003.

Các dịch vụ chuyển tiếp và tư vấn: cung cấp các dịch vụ tư vấn/tâm lý và nơi trú ngụ cho những người lao động bị tổn thương.

Thu hút sự tham gia của **các tổ chức phi chính phủ** để tổ chức **người lao động**: Ví dụ, diễn đàn Visayan ở Phi-lip-pin, tổ chức rất hiệu quả những người lao động giúp việc gia đình.

3. NHỮNG THÁCH THỨC

Một cách thức cơ bản để thu hút các tổ chức của người lao động và chủ lao động là thúc đẩy sự hợp tác với các nguồn lực của chính phủ. Việc các chính phủ không thực hiện được việc đưa ra những lời hứa là một thách thức chính; thiếu nhân lực, thông tin, và thiếu sự thực thi pháp luật hiệu quả làm cho nạn buôn bán người càng trầm trọng hơn. Ngoài những vấn đề thuộc về phía chính phủ này, những người lao động và chủ sử dụng lao động gặp những thách thức sau đây:

- (3.1) Thiếu sự khuyến khích và động lực: họ được lợi gì từ sự tham gia này?;
- (3.2) Khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu với tới các ngành nghề cụ thể;
- (3.3) Sự rời rạc và gắn liền với các đảng phái và chương trình chính trị
- (3.4) Lợi thế cạnh tranh được nhận thấy của Trung Quốc

(3.1) Thiếu sự khuyến khích và động lực: Họ được lợi gì từ việc tham gia này?

Tiền được lợi từ Lao động Di cư (MWP), được định nghĩa là số tiền mà chủ sử dụng lao động nhập cư nước ngoài mong đợi rằng có thể tiết kiệm được bằng cách thuê lao động không chính thức như vậy. Đây là một rào cản lớn trong việc tiến đến xóa bỏ buôn bán người. Những người lao động nhập cư nước ngoài ở Thái Lan thường chỉ được trả 50 đến 80 baht một ngày mà không có khoản thêm nào khác. Người lao động bị buôn bán thường không được trả gì hết. Những tình trạng này có thể tiếp tục như là kết quả của lợi ích về mặt kinh tế và **mức độ rủi ro thấp**. Dự án phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em nỗ lực để thuyết phục các chủ sử dụng lao động rằng *những gì hiện nay đang rẻ thì về lâu dài sẽ tốn kém hơn*. Các tổ chức của người lao động và chủ sử dụng lao động cần phải được cung cấp các lý do tại sao việc họ tham gia phòng chống buôn bán người sẽ có lợi cho họ, và những lý do này có thể được xác định bằng cách từ ban đầu làm cho họ hiểu rõ rằng Họ được lợi gì từ việc tham gia này.

(3.2) Khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu với tới các ngành nghề cụ thể

Nguy cơ của nạn buôn bán người trong **nền kinh tế không chính thức** là cao nhất, tuy nhiên các loại hình công việc trong nền kinh tế này lại rất khác nhau. Ví dụ, các chương trình và cách thức tổ chức các lao động trong ngành tình dục (như hội thảo giáo dục về các vấn đề sức khỏe phụ nữ và sự tiếp cận với các biện pháp tránh thai hữu hiệu) là rất khác với các chương trình đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động trong các doanh nghiệp vận tải nhỏ. **Các chủ sử dụng lao động cần có những cách tiếp cận trọng tâm riêng cho các ngành nghề cụ thể**, ghi nhận nhu cầu của người lao động trong các ngành mà họ làm hơn là cố bám vào cả một nền kinh tế không chính thức.

(3.3) Sự rời rạc và gắn liền với các đảng phái/chương trình chính trị

Các tổ chức của người lao động và chủ sử dụng lao động ở Tiểu vùng Mê Kông không được tổ chức một cách chặt chẽ, và những gì mà một số ít tổ chức làm thì thường gắn với các đảng phái chính trị. Như vậy, người lao động và chủ sử dụng lao động không có cùng một tiếng nói thống nhất, mà lại theo một cách thức rời rạc. Thảo luận ba bên và can thiệp ba bên như vậy trở thành một thách thức lớn hơn.

(3.4) Lợi thế cạnh tranh được nhận thấy của Trung Quốc

Nền kinh tế quy mô có sức mạnh lớn ở Trung Quốc tạo ra sức ép lớn ở các nước tiểu vùng Mê Kông để có thể cạnh tranh được, cả về chi phí sản xuất hạ thấp hoặc chuyển

dịch vào **các thị trường đặc biệt cụ thể**. Nếu không thực hiện hành động thích hợp thì kết quả sẽ là mất đi hàng loạt việc làm trong các ngành sản xuất chế tạo ở Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam – và tạo một áp lực ngày càng tăng lên cá nhân những người dân là phải di cư đi nơi khác và/hoặc trở thành nạn nhân bị buôn bán.

Tình hình kinh tế của Trung quốc cho thấy những hậu quả lâu dài đối với các nước Mê Kông, nơi mà việc thiếu công ăn việc làm địa phương có thể mở ngõ cánh cửa cho nạn buôn bán người.

4. SỰ CẦN NHẮC TIẾP THEO

- (4.1) Thu hút sự tham gia của báo chí và các phương tiện truyền thông** với tư cách là “giám sát viên” đưa ra ánh sáng các vụ việc buôn bán người và tạo áp lực cho việc áp dụng các chuẩn mực lao động quốc tế cũng như là biểu dương các công ty có tổ chức lao động gương mẫu. Trong một nền kinh tế ngày càng toàn cầu hóa, các công ty hiểu rõ hơn bao giờ hết sự tiếng tăm tiêu cực gắn với việc sử dụng lao động trẻ em và các điều kiện lao động bóc lột. Các phương tiện thông tin đại chúng là một nguồn lực mạnh mẽ và chưa được tận dụng hết trong cuộc chiến chống lại nạn buôn bán người này.
- (4.2) Huy động các mạng lưới truyền thông hiện tại.** Các tổ chức của người lao động và chủ sử dụng lao động thường có những mạng lưới thông tin và cán bộ truyền thông riêng của mình. Đây là đối tượng có thể được nhằm tới để nâng cao nhận thức về phòng chống buôn bán người.
- (4.3) Tranh thủ sự ủng hộ của các nhà lãnh đạo chính trị, vận động viên, học giả và những văn nghệ sĩ nổi tiếng** để làm **phát ngôn viên** đưa sự chú ý của quốc tế đến vấn đề buôn bán người và vấn đề lao động. Nhận thức toàn cầu vẫn là bước đầu tiên để có được những giải pháp toàn cầu.
- (4.4) Đẩy mạnh những lợi thế và những khía cạnh tích cực của di cư**, bao gồm cả các khía cạnh kinh tế của những khoản tiền mà lao động di cư chuyển về, việc giảm tỷ lệ thất nghiệp, và tăng sản phẩm quốc gia. **Các phong trào quảng cáo bằng hình ảnh** có một tác động mạnh mẽ, ví dụ như bức ảnh chụp Tháp Đôi ở Kuala Lumpur với lời chú “Công trình của người lao động di cư”. Tương tự như vậy, hình ảnh của một gia đình có thu nhập gấp đôi ở Singapore, khó có thể duy trì được nếu không có sự hỗ trợ của người lao động giúp việc (thường là lao động di cư). Người di cư có thể mang lại cho một quốc gia nhiều giá trị hơn so với số họ rút ra.
- (4.5) Tạo áp lực với những người tiêu dùng** để họ tham gia vào những giao dịch với các doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội và nguyên tắc hành xử đúng. Việc này có thể làm giảm sự tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ từ những doanh nghiệp có điều kiện làm việc bóc lột và không công bằng. Mặc dù nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ rẻ tiền là một thực tế, người tiêu dùng thường đơn giản là không biết được về mức độ bóc lột lao động và những sự khốn khổ mà nạn nhân bị buôn bán phải chịu đựng. Giáo dục là bước quan trọng để đẩy mạnh ý thức trách nhiệm này.